

Số: /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (*H_{đc}*) để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Biểu 02 Phụ lục I và giá, đơn giá sản phẩm,

dịch vụ công ích quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người lao động, người quản lý doanh nghiệp tham gia thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công.

b) Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết định giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công và thanh toán kinh phí thực hiện sản phẩm, dịch vụ công.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương

1. Tại địa bàn vùng III (*thành phố Pleiku*): 0,7.

2. Tại địa bàn vùng IV (*các huyện, thị xã*): 0,5.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với sản phẩm, dịch vụ công đã được giao nhiệm vụ, ký hợp đồng đặt hàng hoặc đấu thầu trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được thực hiện như sau:

1. Sản phẩm, dịch vụ công đã được nghiệm thu, thanh lý trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không xem xét, điều chỉnh lại chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại Quyết định này.

2. Sản phẩm, dịch vụ công đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà vẫn đang trong giai đoạn thực hiện thì thực hiện rà soát, điều chỉnh lại chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công tương ứng với khối lượng sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng... năm 2025.

2. Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương của các loại lao động trong giá sản phẩm dịch vụ công ích sử dụng ngân sách nhà nước tại Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Gia Lai hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*để báo cáo*);
- Thường trực Tỉnh ủy (*để báo cáo*);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (*để báo cáo*);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai;
- Công báo tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD, KTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Lịch